



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing & Informatic Services Company Limited

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO THỜI KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN
VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

MỤC LỤC

	Trang
1 - Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc	01 - 04
2 - Báo Cáo Soát xét	05
3 - Bảng Cân Đối Kế Toán hợp nhất	06 - 08
4 - Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh hợp nhất	09
5 - Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ hợp nhất	10 - 11
6 - Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính hợp nhất	12 - 28
7 - Báo cáo bộ phận	29
8 - Phụ lục 01: Bảng cân đối kế toán Công ty CP Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải	30 - 32
9 - Phụ lục 02: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty CP Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải	33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Ban Tổng Giám Đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét từ trang 06 đến trang 33 của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải và công ty con (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

1. Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lưu Quyết Thắng	Chủ tịch	31/03/2008	-
Ông Nguyễn Duy Hùng	Ủy viên	02/09/2002	-
Ông Đỗ Văn Phêch	Ủy viên	08/12/2005	16/06/2010
Bà Nguyễn Thị Phương Uyên	Thành viên	06/04/2008	-
Ông Bùi Thạch Sơn	Thành viên	29/06/2009	-
Ông Đỗ Đức Tuấn	Thành viên	16/06/2010	-

Ban Kiểm Sát

Ông Lưu Văn Hợp	Trưởng Ban	08/09/2002	-
Ông Nguyễn Trung Tín	Thành viên	29/06/2009	-
Ông Ngô Thành Chung	Thành viên	16/06/2010	-

Ban Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng gồm:

Ông Nguyễn Duy Hùng	Tổng giám đốc	08/09/2002	-
Ông Bùi Thạch Sơn	Phó tổng giám đốc	31/01/2005	-
Bà Đinh Thị Hằng Nga	Phó tổng giám đốc	11/06/2007	-
Bà Nguyễn Thị Hải Tào	Kế toán trưởng	07/10/2008	-

2. Đặc điểm hoạt động của công ty

2.1 Các thông tin chính:

Công ty cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải trước đây là Công ty CP Đầu tư & Vận tải dầu khí Vinashin hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001280 ngày 08 tháng 08 năm 2002 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002016 ngày 30 tháng 12 năm 2003 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303154993 thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 7 năm 2010 công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức hoạt động: công ty cổ phần.

Trụ sở chính: Phòng 2004 - 2009 Cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Q1.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

2.2 Ngành nghề hoạt động

Đầu tư xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công nghiệp và dân dụng. Hoạt động vận tải trên các tuyến đường thủy nội địa và quốc tế. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu khí. Cung cấp vật tư thiết bị, máy móc tổng hợp cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Đại lý khai thác, dịch vụ và hoa tiêu hàng hải Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển. Môi giới hàng hải. Cung ứng tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển. Sang chiết gas. Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, cầu cảng, kho bãi. Môi giới bất động sản. Kinh doanh nhà. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

Hoạt động các câu lạc bộ thể hình, nhip điệu, bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, sân gôn, quần vợt. Kinh doanh câu lạc bộ giải trí, trò chơi điện tử, bãi tắm, hồ câu cá, bãi biển (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh). Phá dỡ tàu cũ. Mua bán sắt thép phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở). Dịch vụ giao nhận hàng hoá. Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở).

Đào tạo nghề. Dịch vụ giới thiệu việc làm. Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Tư vấn đầu tư, quản lý kinh doanh (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Lập dự án đầu tư. Thẩm tra thiết kế kỹ thuật.

Bổ sung: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ rừng trồng; Khai thác lâm sản từ gỗ; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Khai thác và thu gom than cứng – than non; Khai thác quặng sắt, quặng uranium, quặng thorium, quặng bô – xít, quặng kim loại quý hiếm; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng chất và phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm bằng tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy; giấy và bìa; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá;

Đóng tàu và cấu kiện nổi; Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ thiết kế phương tiện vận tải); Thoát nước và xử lý nước thải; Tái chế phế liệu;

Xây dựng nhà các loại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng. Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí đối, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh).

2.3 Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính: Phòng 2004 - 2009 Cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Q1.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

2.4 Đặc điểm hoạt động của các Công ty con trong kỳ kế toán:

Công ty TNHH một thành viên kinh doanh dầu khí phương Bắc Vinashin: là công ty con với 100% vốn của công ty CP Đầu tư và Vận tải dầu khí Vinashin, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204000429 ngày 16 tháng 10 năm 2007.

Hoạt động chính của công ty con là sản xuất dầu mỏ tinh chế, các sản phẩm khí đốt hoá lỏng; đại lý gas và bán buôn xăng dầu, khí đốt hoá lỏng; vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Địa chỉ: Tầng 8 Nhà khách Hải quân, Số 5 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

Công ty TNHH 1 thành viên vận tải biển Nam Việt: là công ty với 100% vốn của công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin nay là Công ty cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005100 ngày 18 tháng 06 năm 2008 do sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.

Công ty đang trong giai đoạn tiến hành quyết toán thuế và hoàn tất các thủ tục giải thể doanh nghiệp

Công ty Trust Maritime Services Pte Ltd.: là công ty với trên 70% vốn của công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin nay là Công ty cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải, được chấp nhận theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 275/BKH-ĐTRNN ngày 03 tháng 09 năm 2009 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp.

Địa chỉ: Tầng 25 toà nhà JTC Summit HQ Building, 8 Jurong Town Hall Road, Singapore 609434.

Thời gian đầu tư là 50 năm, trong đó, vốn đầu tư của công ty mẹ là 350.000,00 SGD, chiếm tỷ lệ là 70,00% trên tổng nguồn vốn góp của công ty con.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TPHCM (AISC).

Tổng thu nhập:	467.830.658.420 VND
Tổng chi phí:	439.436.477.968 VND
Lợi nhuận sau thuế:	28.394.180.452 VND

4. Các thông tin tài chính khác

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303154993 thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của công ty là 380.844.890.000 VNĐ

Tổng số cổ phần là 38.084.489 cổ phần

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VNĐ/cổ phần

5. Kiểm toán viên độc lập

Công Ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TPHCM (AISC) được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 cho Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải và công ty Con.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

6. Cam kết của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám Đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập, Ban Tổng Giám Đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.

- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc kỳ kế toán.

- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.

- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.

- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

7. Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2010

Tổng Giám đốc 



NGUYỄN DUY HÙNG



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 0710433/AISC-DN1-SX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
THỜI KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI
VÀ CÔNG TY CON**

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải và công ty Con

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, được lập ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải và Công ty con, dưới đây gọi là Công ty, từ trang 6 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ở đây chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính, về việc một số chỉ tiêu ở số liệu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được trình bày lại phù hợp với thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp (Xem thuyết minh báo cáo tài chính số VIII. 3)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2010

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẬU NGUYỄN LÝ HẰNG

Chứng chỉ KTV số: 1169/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.



PHẠM VĂN VINH

Chứng chỉ KTV số: Đ0112/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Tel : (04) 3782 0045/46/47 Fax : (04) 3782 0048

Email: aishn@hn.vnn.vn

Branch in Da Nang : 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang

Tel : (0511) 371 5619

Fax : (0511) 371 5620

Email: aiscnt@dn.vnn.vn

Representative in Can Tho : 64 Nam Ky Khai Nghia St, Ninh Kieu Dist, Can Tho

Tel : (0710) 3813 004

Fax : (0710) 3828 765

Representative in Hai Phong : 18 Hoang Van Thu St, Hong Bang Dist, Hai Phong

Tel : (031) 3569 577

Fax : (031) 3569 576

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		858.247.876.974	773.997.237.879
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>7.224.840.979</i>	<i>10.197.321.935</i>
1. Tiền	111		7.224.840.979	10.197.321.935
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>V.2</i>	<i>776.185.652.249</i>	<i>688.841.783.152</i>
1. Phải thu khách hàng	131		57.689.677.286	22.803.653.537
2. Trả trước cho người bán	132		683.036.814.664	655.561.233.620
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		41.459.160.300	16.476.895.995
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.3</i>	<i>54.828.331.840</i>	<i>49.488.286.472</i>
1. Hàng tồn kho	141		54.828.331.840	49.488.286.472
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	<i>V.4</i>	<i>20.009.051.905</i>	<i>25.469.846.320</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.744.500.054	1.972.352.142
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.898.070.381	21.581.165.744
3. Các khoản thuế phải thu	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.366.481.470	1.916.328.434
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.579.010.594.143	2.690.711.024.096
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>6.180.000</i>	<i>11.680.000</i>
1. Phải thu dài hạn khác	213		6.180.000	11.680.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>2.475.795.081.239</i>	<i>2.583.391.609.807</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.5.1</i>	1.987.350.183.387	2.070.533.367.003
- Nguyên giá	222		2.512.886.412.045	2.511.402.304.057
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(525.536.228.658)	(440.868.937.054)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.5.2</i>	6.212.055.530	6.475.722.200
- Nguyên giá	228		10.487.000.000	10.487.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.274.944.470)	(4.011.277.800)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<i>V.6</i>	482.232.842.322	506.382.520.604

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.643.427.116	6.280.927.116
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	4.637.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.643.427.116	1.643.427.116
4. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		101.565.905.788	101.026.807.173
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		97.784.720.735	97.245.622.120
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		3.781.185.053	3.781.185.053
3. Tài sản dài hạn khác	278		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			<u>3.437.258.471.117</u>	<u>3.464.708.261.975</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

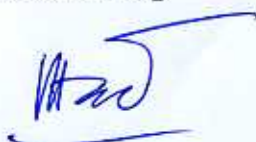
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ	300		2.236.079.379.017	2.292.014.125.054
I. Nợ ngắn hạn	310		452.108.648.704	459.171.535.637
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	253.206.191.674	288.340.572.338
2. Phải trả cho người bán	312	V.8	126.213.294.049	96.710.156.904
3. Người mua trả tiền trước	313	V.9	2.384.279.412	1.172.013.093
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	12.075.176.274	10.883.613.612
5. Phải trả công nhân viên	315		3.690.714.208	7.649.374.193
6. Chi phí phải trả	316	V.11	22.482.400.287	42.343.670.010
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	23.418.730.226	4.432.840.980
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		8.637.862.574	7.639.294.507
II. Nợ dài hạn	330		1.783.970.730.313	1.832.842.589.417
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.12	53.021.160.983	58.710.469.010
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	1.730.944.300.763	1.774.097.506.622
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.268.567	34.613.785
B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.199.805.513.841	1.172.694.136.921
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	1.199.805.513.841	1.172.694.136.921
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.844.890.000	380.844.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.045.600.000.000	1.045.600.000.000
3. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416		(14.990.373)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.380.796.407	31.380.796.407
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(258.005.182.193)	(285.131.549.486)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.373.578.259	-
1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			1.373.578.259	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.437.258.471.117	3.464.708.261.975

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TÀO



NGUYỄN DUY HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009</u> <u>đến 30/06/2009</u>
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	462.386.484.152	187.524.535.577
2. Các khoản giảm trừ	02		1.220.860.987	-
3. Doanh thu thuần	10		461.165.623.165	187.524.535.577
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	346.103.518.278	355.572.257.883
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		115.062.104.887	(168.047.722.306)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	173.720.316	27.749.639.847
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	72.848.573.362	51.417.666.354
Trong đó: chi phí lãi vay	23		69.876.302.955	49.408.521.016
8. Chi phí bán hàng	24		5.305.883.645	3.888.510.372
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.531.607.043	12.171.519.410
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		26.549.761.153	(207.775.778.595)
11. Thu nhập khác	31		6.491.314.939	8.025.497.390
12. Chi phí khác	32		997.985.179	2.504.585.757
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.493.329.760	5.520.911.633
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		32.043.090.913	(202.254.866.962)
15. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.648.910.461	1.593.969.170
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		28.394.180.452	(203.848.836.132)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		21.178.259	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		28.373.002.192	(203.848.836.132)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		745	(14.772)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TÀO



Tổng Giám đốc

NGUYỄN DUY HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</i>	<i>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</i>
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.043.090.913	(202.254.866.962)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	84.930.958.274	83.709.895.277
- Các khoản dự phòng	03	-	(2.117.530.030)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	-
- Chi phí lãi vay	06	69.876.302.955	49.408.521.016
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn			
3. Lưu động	08	186.850.352.142	(71.253.980.699)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(81.114.532.383)	(90.625.170.736)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.340.045.368)	40.853.300.603
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	51.301.860.848	(592.464.946.172)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.311.246.527)	(9.618.831.204)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(61.386.358.364)	(47.485.173.939)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.000.000.000)	(10.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	404.513.050	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(152.180.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	86.252.363.398	(780.594.802.147)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(10.991.098.323)	(34.546.870.924)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	47.500.000.000
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.840.493	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.937.257.830)	12.953.129.076

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009</u> <u>đến 30/06/2009</u>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phần của DN	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	143.517.552.373	700.628.665.718
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(221.805.138.896)	(115.453.812.773)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(78.287.586.523)	585.174.852.945
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.972.480.956)	(182.466.820.126)
Tiền tồn đầu kỳ	60	10.197.321.935	195.500.479.599
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	7.224.840.979	13.033.659.473

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO



Tổng Giám đốc

NGUYỄN DUY HÙNG

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây dựng, sản xuất

Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng; Hoạt động vận tải trên các tuyến đường thủy nội địa và quốc tế; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu khí; Cung cấp vật tư thiết bị máy móc tổng hợp cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng; Đại lý khai thác dịch vụ và hoa tiêu hàng hải; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển; Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển; Sang chiết gas; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, cầu cảng, kho bãi; Môi giới bất động sản, kinh doanh nhà; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế; Hoạt động các câu lạc bộ thể hình, nhip điệu, bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, sân gôn, quần vợt; Kinh doanh câu lạc bộ giải trí, trò chơi điện tử hồ bơi, câu cá, bãi biển (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); Phá dỡ tàu cũ, mua bán sắt thép phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở); Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh nhà hàng, ăn uống, khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở); Đào tạo nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm; Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Tư vấn đầu tư, quản lý kinh doanh (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Lập dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế kỹ thuật.

Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo Tài chính

- Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ-2010 do Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Đầu tư & vận tải dầu khí Vinashin thông qua ngày 16/6/2010;
- Căn cứ theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 và đăng ký thuế số 0303154993 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 05/07/2010;
- Căn cứ theo Giấy chứng nhận đã nộp mẫu dấu số SĐ1305/GCN do Công ty CP Đầu tư & vận tải dầu khí Vinashin giao nộp lại con dấu cho Phòng cảnh sát QLHC về trật tự xã hội TP Hồ Chí Minh lúc 14g30 ngày 14/7/2010;
- Căn cứ theo Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu số SĐ1305/ĐKMD do Phòng cảnh sát QLHC về trật tự xã hội TP Hồ Chí Minh ký ngày 14/7/2010;

Từ ngày 05 tháng 7 năm 2010 Công ty CP Đầu tư & Vận tải dầu khí Vinashin sẽ chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải.

2. Đặc điểm hoạt động của các Công ty con

Công ty TNHH một thành viên kinh doanh Dầu khí phương Bắc Vinashin: là công ty với 100% vốn của công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204000429 ngày 16 tháng 10 năm 2007. Hoạt động chính của công ty là sản xuất dầu mỏ tinh chế, các sản phẩm khí đốt hoá lỏng; đại lý gas và bán buôn xăng dầu, khí đốt hoá lỏng; vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Vốn điều lệ của công ty: 20.000.000.000 VND

Vốn thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2010: 20.000.000.000 VND

Địa chỉ: Tầng 8 Nhà khách Hải quân, Số 5 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

Công ty TNHH một thành viên vận tải biển Nam Việt: là công ty với 100% vốn của công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005100 ngày 18 tháng 06 năm 2008 do sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Ngày 15 tháng 08 năm 2008, công ty được công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin tiến hành bàn giao vốn và chính thức đi vào hoạt động.

Hoạt động chính của công ty là vận tải các sản phẩm hoá dầu bằng tàu biển, xe chuyên dùng; vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hoá bằng đường bộ, viễn dương, thủy nội địa; đại lý tàu biển hàng hải; dịch vụ vận tải đường thủy, sửa chữa và bảo phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ).

Vốn điều lệ của công ty: 50.000.000.000 VND

Vốn thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2010: 50.000.000.000 VND

Địa chỉ: Số 1-5 Lê Duẩn Tòa nhà Dầu khí Việt Nam, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty đang trong giai đoạn tiến hành quyết toán thuế và hoàn tất các thủ tục giải thể doanh nghiệp

Công ty Trust Maritime Services Pte Ltd.: là công ty với 70% vốn của công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin, được chấp nhận theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 275/BKH-ĐTRNN ngày 03 tháng 09 năm 2009 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp.

Vốn góp theo giấy phép đăng ký là: 500.000,00 SGD

Trong đó, công ty Cổ Phần VTB và BĐS Việt Hải đăng ký góp 350.000,00 SGD, chiếm tỷ lệ 70% trên vốn đăng ký

Vốn thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 là 450.000,00 SGD

Trong đó Công ty Cổ Phần VTB và BĐS Việt Hải đã góp là 350.000,00 SGD, chiếm tỷ lệ là 77,78% trên vốn thực góp

Địa chỉ: Tầng 25 toà nhà JTC Summit HQ Building, 8 Jurong Town Hall Road, Singapore 609434.

Thời gian đầu tư là 50 năm, trong đó, tháng thứ 1 và tháng thứ 2 hoàn thành thủ tục đầu tư và chuẩn bị văn phòng, tháng thứ 3 bắt đầu triển khai hoạt động tại Singapore.

3. Tổng số các công ty con

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 4 công ty

- Số lượng các công ty con không được hợp nhất trong năm: 0 công ty

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15 TC/QĐ/CĐKT, ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính Việt Nam và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính và chuẩn mực số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính đã lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chứng từ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính riêng của Công ty và các Công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của Công ty và Công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các Công ty con đã mua hoặc thanh lý trong năm tính từ ngày mua hoặc đến ngày thanh lý.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ tập đoàn đã được loại trừ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chính sách kế toán hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: dựa vào đánh giá của Hội đồng quản trị hoặc ban giám đốc về các khoản nợ có dấu hiệu không có khả năng thu hồi hoặc dựa vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các khoản chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại thêm lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số năm khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 15
Trang thiết bị văn phòng	03 - 07

Ghi nhận và khấu hao TSCĐ vô hình

Thương hiệu Vinashin được ghi nhận là TSCĐ vô hình, là giá trị do cổ đông Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam góp vốn theo thỏa thuận thành lập công ty. Thời gian khấu hao là 20 năm.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

Ghi nhận Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng các kho, đóng tàu, sửa chữa lớn,...đang thực hiện và thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang.

Kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con:

Các Công ty được xem là công ty con của công ty khi công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trong báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư khác: Các khoản đầu tư khác được thể hiện theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua phát sinh liên quan.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá gốc.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

Ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí công cụ dụng cụ và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh chi phí vỏ bình gas thực tế đã phát sinh, nhưng có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán nên chưa thể tính hết vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này mà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 60 tháng đến 144 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các quỹ: căn cứ vào điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế, riêng thuế suất của hoạt động vận tải là 20%. Công ty được miễn, giảm thuế TNDN theo nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ về " Quy định chi tiết thi hành luật thuế TNDN".

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế, và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền và chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi công ty được quyền nhận lợi nhuận hay được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>30/06/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
Tiền mặt tại quỹ	816.279.005	1.835.458.824
Tiền gửi Ngân hàng	6.408.561.975	8.361.863.111
- Tiền gửi bằng Việt Nam đồng	990.154.161	8.009.671.116

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

- Tiền gửi bằng ngoại tệ	5.418.407.814	352.191.995
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	7.224.840.979	10.197.321.935
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/06/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	57.689.677.286	22.803.653.537
<i>Công ty TNHH MTV Tổng công ty CNTT Nam Triệu</i>	4.820.065.995	3.690.683.798
<i>Công ty CP kinh doanh dầu khí Bình Phước</i>	348.836.238	354.809.097
<i>Công ty CP Dầu khí Miền Nam</i>	5.231.278	5.231.278
<i>Công ty CP Minh Phước Quang</i>	1.389.443.499	1.389.443.499
<i>Công ty TNHH MTV vận tải Nhật Việt</i>	-	594.410.220
<i>Công ty TNHH Thành Vĩnh Phú</i>	373.794.637	489.554.416
<i>Công ty TNHH miền đông Đà Lạt</i>	214.838.020	388.196.420
<i>Công ty CP năng lượng Đất Việt</i>	611.408.170	1.915.859.030
<i>Nguyễn Thị Thu Hiền- tổng đại lý Nam Long</i>	908.742.788	1.408.219.788
<i>Công ty CP khí đốt Thái Dương</i>	914.857.663	1.186.175.528
<i>Công ty Công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền</i>	2.995.709.321	2.995.709.321
<i>Công ty TNHH Vạn Lộc</i>	16.257.324	16.257.324
<i>Các khách hàng khác</i>	45.090.492.353	8.369.103.818
Trả trước cho người bán	683.036.814.664	655.561.233.620
<i>Tập đoàn công nghiệp tàu thủy</i>	319.100.000.000	319.100.000.000
<i>Công ty TNHH Nhà nước một thành viên đóng tàu Bạch Đằng</i>	55.642.117.500	55.642.117.500
<i>Công ty CP dầu tư và xây dựng giao thông Hồng Lĩnh</i>	54.000.000.000	54.000.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên công nghiệp tàu thủy Dung Quất</i>	54.212.144.790	54.212.144.790
<i>Công ty TNHH một thành viên đóng tàu Cam Ranh</i>	130.065.724.524	130.065.724.524
<i>Chi nhánh Công ty CP ĐT TM Bắc Hà - XN Xây dựng Hà Nội</i>	-	300.000.000
<i>Công ty CP hóa dầu công nghiệp cao Hi-Pec</i>	4.072.941.624	6.072.941.624
<i>Công ty TNHH Hương Minh</i>	5.317.659.898	4.839.562.768
<i>Các khách hàng khác</i>	60.626.226.328	31.328.742.414
Phải thu khác	41.459.160.300	16.476.895.995
<i>Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy</i> (1)	1.923.432.036	1.923.432.036
<i>Công ty cổ phần vận tải biển Đại Hải</i>	393.089.008	393.089.008
<i>Công ty cổ phần lọc hóa dầu Nam Việt</i> (2)	24.718.606	1.881.991.269
<i>Tiền đặt cọc</i> (3)	8.752.751.900	8.752.751.900
<i>Công ty CP TM SX thép</i> (4)	19.200.000.000	-
<i>Khoản phải thu khác</i>	11.165.168.750	3.525.631.782
Tổng các khoản phải thu thương mại và phải thu khác	782.185.652.249	694.841.783.152
Dự phòng phải thu khó đòi (3)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	776.185.652.249	688.841.783.152

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

(1) Phải thu khác của công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy là:

Khoản tiền góp vốn còn phải thu của công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy để đầu tư xây dựng khu đô thị, thương mại và dịch vụ tại Vĩnh Phúc : 1.923.432.036 VNĐ.

(2) Cổ tức và các khoản phải thu của công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Nam Việt.

(3) Khoản tiền đặt cọc cho tòa án ở Tp. Durban, Nam Phi để giải phóng tàu Asean sea 01. Trong năm 2007, công ty đã tiến hành lập dự phòng khoảng 70% số tiền liên quan đến việc giải phóng tàu Asean sea 01

(4) Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty -SHINPETROL ngày 17 tháng 06 năm 2010 để kinh doanh thép. Tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50%.

3. Hàng tồn kho	30/06/2010	01/01/2010
Nguyên vật liệu tồn kho	45.759.172.138	30.657.374.834
Công cụ, dụng cụ trong kho	764.112.756	7.468.082.734
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Hàng hóa tồn kho	8.305.046.946	11.362.828.904
Giá gốc của hàng hóa tồn kho	54.828.331.840	49.488.286.472
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.	54.828.331.840	49.488.286.472
4. Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.744.500.054	1.972.352.142
Thuế GTGT còn được khấu trừ	14.898.070.381	21.581.165.744
Tài sản ngắn hạn khác	2.366.481.470	1.916.328.434
<i>Tạm ứng</i>	2.214.554.553	1.760.795.905
<i>Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	151.926.917	155.532.529
Tổng cộng	20.009.051.905	25.469.846.320

5. Tài sản cố định

5.1 Tài sản cố định hữu hình: xem thuyết minh trang số 28

5.2 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Thương hiệu Vinashin	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	-	487.000.000	10.000.000.000	10.487.000.000
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	487.000.000	10.000.000.000	10.487.000.000

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	427.944.443	3.583.333.357	4.011.277.800
Khấu hao trong kỳ	-	11.999.929	251.666.741	263.666.670
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	11.999.929	251.666.741	4.274.944.470
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	-	59.055.557	6.416.666.643	6.475.722.200
Số dư cuối kỳ	-	475.000.071	9.748.333.259	6.212.055.530
6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			30/06/2010	01/01/2010
Mua sắm tài sản cố định			272.544.808	749.738.428
Xây dựng cơ bản dở dang			347.555.798.057	335.443.043.458
<i>Dự án xây dựng khu đô thị golf Mê Linh - Vĩnh Phúc</i>			91.956.005.555	91.664.016.730
<i>Dự án Tổng kho Đình Vũ</i>			78.516.942.299	76.410.810.291
<i>Dự án đóng tàu hàng rời 54.000 DWT</i>			80.352.591.429	77.640.942.948
<i>Dự án đóng 2 tàu hàng rời 22.500 DWT</i>			43.827.379.360	37.590.845.738
<i>Dự án kho nhà bè- Quận khu 7</i>			16.018.695.057	16.018.695.057
<i>Bồn LPG</i>			8.967.686.178	8.949.089.298
<i>Cụm công nghiệp Tàu thủy - Long An</i>			7.537.509.206	7.507.518.933
<i>Dự án khu dịch vụ giải trí tổng hợp phục vụ KCN & cảng Cái Lân</i>			15.051.580.410	15.051.580.410
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác</i>			5.327.408.563	4.609.544.053
Sửa chữa lớn TSCĐ			134.404.499.457	170.189.738.718
Tổng cộng			482.232.842.322	506.382.520.604
7. Vay và nợ ngắn hạn			30/06/2010	01/01/2010
Vay ngân hàng			173.570.207.967	208.704.588.631
<i>Ngân hàng BIDV - Bắc Hà Nội</i>			29.634.750.168	63.361.954.085
<i>Ngân hàng BIDV - Sở giao dịch 2</i>			107.671.302.933	127.492.612.359
<i>Ngân hàng TMCP quân đội</i>			5.737.562.456	4.958.398.869
<i>Ngân hàng TM Quốc tế Việt Nam -CN Nam Sài Gòn</i>			26.429.407.410	12.891.623.318
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - CN Hải Phòng</i>			277.185.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hải Phòng</i>			3.820.000.000	-
Vay các tổ chức cá nhân khác			79.635.983.707	79.635.983.707
<i>Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam</i>			79.635.983.707	79.635.983.707
<i>Công ty khác</i>			-	-
Tổng cộng			253.206.191.674	288.340.572.338

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

	30/06/2010	01/01/2010
8. Phải trả người bán		
<i>Dakanave Chantiers Navas</i>	5.293.354.648	5.293.354.648
<i>Công ty công nghiệp tàu thủy Nam Triệu</i>	1.198.056.227	1.198.056.227
<i>Công ty TNHH Sigma Yung Chi Coating</i>	2.901.651.565	2.901.651.565
<i>Công ty CP SX DV TM XD Thành Tài Long An</i>	1.618.286.875	1.182.053.985
<i>Công ty BH dầu khí Sài Gòn</i>	698.551.459	2.948.236.796
<i>Qingdao Beihai Shipbuilding</i>	1.765.878.807	1.765.878.807
<i>Công ty năng lượng Bình An</i>	2.216.074.206	2.216.074.206
<i>Cty CP kinh doanh khí hoá lỏng miền bắc</i>	3.060.193.327	9.081.655.848
<i>Công ty Cổ phần đầu tư phát triển gas đô thị</i>	5.875.484.930	12.007.796.300
<i>Công ty XNK Vinashin</i>	2.512.352.103	2.512.352.103
<i>Longshan Shipyard</i>	694.947.000	6.297.291.000
<i>Chengxi Shipyard</i>	2.379.190.800	8.036.090.800
<i>Công ty TNHH MTV dịch vụ tổng hợp dầu khí Quảng Ngãi</i>	7.118.421.130	-
<i>Công ty CP dầu khí Anpha</i>	3.555.836.220	3.739.945.024
<i>Tramp Maritime Enterprises limited</i>	-	4.597.344.417
<i>Các Công ty khác</i>	85.325.014.752	32.932.375.178
Tổng cộng	126.213.294.049	96.710.156.904
9. Người mua trả tiền trước		
<i>Khách hàng của công ty TNHH ITV dầu khí Phương Bắc Vinashin</i>	1.073.378.892	196.118.126
<i>Khách hàng của công ty Trust Maritime Services Pte Ltd</i>	104.564.322	-
<i>Khách hàng của công ty CP Đầu tư và Vận tải dầu khí Vinashin</i>	1.206.336.198	975.894.967
Tổng cộng	2.384.279.412	1.172.013.093
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
Thuế GTGT (*)	-	-
Thuế TNDN	11.020.033.922	10.371.123.461
Thuế thu nhập cá nhân	1.055.142.352	512.490.151
Tổng cộng	12.075.176.274	10.883.613.612
(*) Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT đầu ra như sau:		
Hoạt động kinh doanh gas	10%	
Hoạt động vận tải nội địa	5%	
Hoạt động vận tải quốc tế	0%	
Riêng hoạt động bán tàu do không nhập khẩu vào Việt Nam nên không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.		
11. Chi phí phải trả		
Chi phí lãi vay	9.590.850.334	34.345.829.753
Chi phí cho các tàu	12.891.549.953	7.997.840.257
Tổng cộng	22.482.400.287	42.343.670.010

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

	30/06/2010	01/01/2010
12. Phải trả phải nộp khác		
Phải trả ngắn hạn khác	23.418.730.226	4.432.840.980
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	1.362.571.378	1.146.756.606
Công ty P&P	-	2.515.000.000
Trần Minh Quang	2.200.000.000	-
Dương Tuấn Hải	17.000.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	2.856.158.848	771.084.374
Phải trả dài hạn khác	53.021.160.983	58.710.469.010
Công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy (*)	30.000.000.000	30.000.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn (**)	23.021.160.983	28.710.469.010
Tổng cộng	76.439.891.209	63.143.309.990

(*) Khoản góp vốn của công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy để đầu tư xây dựng khu đô thị, thương mại và dịch vụ tại Vĩnh Phúc theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 01/VNS-Shinpetrol-VFC ngày 16 tháng 08 năm 2004 giữa công ty với công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy.

(**) Khoản tiền đại lý ký quỹ vỏ bình gas.

	30/06/2010	01/01/2010
13. Vay và nợ dài hạn		
Vay ngân hàng (*)	1.348.121.006.022	1.379.935.294.803
<i>Ngân hàng BIDV - Bắc Hà Nội</i>	278.898.852.612	279.870.266.988
<i>Ngân hàng BIDV - Sở giao dịch 2</i>	560.641.543.751	569.963.143.751
<i>Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam</i>	155.597.938.433	160.747.012.838
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam</i>	350.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á</i>	352.632.671.226	369.354.871.226
Vay các tổ chức cá nhân khác (**)	248.613.415.081	144.725.342.331
<i>Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy</i>	248.613.415.081	144.725.342.331
Nợ dài hạn	134.209.879.660	249.436.869.488
<i>Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy</i>	134.209.879.660	249.436.869.488
Tổng cộng	1.730.944.300.763	1.774.097.506.622

(*) Các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng để đầu tư tài sản cố định. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Khoản vay công ty tài chính Công nghiệp tàu thủy từ nguồn vốn vay trái phiếu quốc tế theo lãi suất từng lần giải ngân.

14. Vốn chủ sở hữu

14.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	158.700.000.000	1.045.600.000.000	61.737.753.258	229.956.640.138
- Tăng vốn năm trước	7.900.000.000	-	-	-
- Lợi nhuận năm trước	-	-	-	(359.595.102.457)
- Giảm lợi nhuận của cty CP lọc hoá dầu Nam Việt	-	-	-	(1.605.154.018)
- Bù lỗ theo quyết định HĐQT	-	-	(30.356.956.851)	60.356.956.851
- Chia cổ tức năm trước	214.244.890.000	-	-	(214.244.890.000)
Số dư cuối năm trước	380.844.890.000	1.045.600.000.000	31.380.796.407	(285.131.549.486)
Số dư đầu đầu kỳ	380.844.890.000	1.045.600.000.000	31.380.796.407	(285.131.549.486)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	28.373.002.192
- Điều chỉnh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	(1.246.634.900)
Số dư cuối kỳ	380.844.890.000	1.045.600.000.000	31.380.796.407	(258.005.182.194)

14.2 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

30/06/2010

01/01/2010

38.084.489

38.084.489

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

38.084.489

38.084.489

Cổ phiếu phổ thông

38.084.489

38.084.489

Cổ phiếu ưu đãi

-

-

Số lượng cổ phiếu được mua lại

-

-

Cổ phiếu phổ thông

-

-

Cổ phiếu ưu đãi

-

-

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

38.084.489

38.084.489

Cổ phiếu phổ thông

38.084.489

38.084.489

Cổ phiếu ưu đãi

-

-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000VND/ cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Doanh thu bán hàng hóa	116.062.965.518	68.452.629.596
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	346.323.518.634	94.149.065.410
Doanh thu bán tàu	-	24.914.933.333
Doanh thu khác	-	7.907.238
Tổng doanh thu	462.386.484.152	187.524.535.577

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Các khoản giảm trừ doanh thu	1.220.860.987	-
Doanh thu thuần	461.165.623.165	187.524.535.577
2. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<i>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</i>	<i>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</i>
Thu lãi tiền gửi	53.840.493	611.813.145
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	119.879.823	7.634.799.039
Lãi đầu tư ngắn hạn	-	17.645.755.000
Cổ tức	-	1.857.272.663
Tổng cộng	173.720.316	27.749.639.847
3. Giá vốn hàng bán		
	<i>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</i>	<i>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</i>
Giá vốn của hàng hóa	111.265.729.716	63.512.997.674
Giá vốn của dịch vụ vận tải đã cung cấp	234.837.788.562	279.129.236.818
Giá vốn bán tàu	-	12.930.023.391
Tổng cộng	346.103.518.278	355.572.257.883
4. Chi phí hoạt động tài chính		
	<i>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</i>	<i>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</i>
Chi phí lãi tiền vay	69.876.302.955	49.408.521.016
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.972.270.407	2.009.145.338
Tổng cộng	72.848.573.362	51.417.666.354

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính; không phát sinh
- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo; không phát sinh
- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện; không phát sinh

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Tháng 3 năm 2006 tàu Asean Sea 01 của Công ty đã bị chính quyền thành phố Durban, Nam Phi giam giữ do liên quan đến một vụ tranh chấp vận chuyển với đối tác nước ngoài. Công ty đã đặt cọc một số tiền có giá trị là 510.000 USD cho tòa án ở TP. Durban, Nam Phi để giải phóng tàu, đồng thời đang tiến hành thủ tục khởi kiện đối tác nước ngoài này.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Nhằm đảm bảo cho sự bình ổn giá cả cổ phiếu và dự phòng biến động chi phí, trong năm 2007, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2006 vào khoảng 70% khoản tiền chuyển bảo lãnh tại hiệp hội bảo hiểm các chủ tàu WOE để giải phóng tàu Asean Sea 01. Số trích lập cụ thể là 6.000.000.000 đồng.

2. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Phát sinh trong kỳ	Phải thu / (phải trả) cuối kỳ
Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam	Cổ đông lớn	Vay ngắn hạn Ứng trước tiền hàng	- -	(79.635.983.707) 319.100.000.000
Công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy Việt Nam	Công ty con của tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam	Vay dài hạn Trả tiền vay Nhận vốn góp XD khu TM & DV Vĩnh Phúc	3.799.000.000 15.137.917.078 -	(382.823.294.741) - (28.076.567.964)

3. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên báo cáo tài chính của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ kế toán hiện hành theo thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đã trình bày lại các khoản mục sau:

Khoản mục	Mã số	BCTC từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	BCTC năm 2009	Chênh lệch
		Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất 01/01/2010	Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất 31/12/2009	
Nợ ngắn hạn	310	459.171.535.637	451.532.241.130	7.639.294.507
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	7.639.294.507	-	7.639.294.507
Nguồn kinh phí quỹ khác	430	-	7.639.294.507	(7.639.294.507)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	-	7.639.294.507	(7.639.294.507)

4. Thông tin về hoạt động liên tục: công ty vẫn tiếp tục các hoạt động của mình trong tương lai

Chỉ tiêu	30/06/2010	01/01/2010
a. Khả năng thanh toán hiện hành	0,38	0,34
b. Khả năng thanh toán nhanh	0,02	0,02
	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
c. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	86.252.363.398	(780.594.802.147)

Các chỉ số về khả năng thanh toán và luồng tiền từ hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010 so với 6 tháng đầu năm 2009 của công ty cho thấy tình hình hoạt động của Công ty đã có chuyển biến tốt hơn. Tuy nhiên chỉ số về khả năng thanh toán còn ở mức thấp (nhỏ hơn 0,5) cho thấy công ty vẫn còn gặp khó khăn trong việc thanh toán trong điều kiện kinh doanh bình thường.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Ban Tổng Giám Đốc đã có Bảng đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty như sau:

- Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh tại thời điểm 30/06/2010 là rất thấp. Tuy nhiên Ban Tổng Giám Đốc đã có kế hoạch duy trì luồng tiền đầu tư nhờ vào việc áp dụng các biện pháp:
 - Thỏa thuận điều chỉnh lịch thanh toán của Ngân hàng, các tổ chức tín dụng và Công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy Việt Nam.
 - Tìm kiếm các nguồn vốn mới như vay vốn thêm các ngân hàng trong thời gian trung hạn.
 - Kết hợp với nhà quản lý tại Singapore thông qua công ty Trust Maritime để kiểm soát và giảm bớt chi phí đội tàu và thực hiện các hoạt động khác nhằm đem lại lợi nhuận cho công ty.
- Ban Tổng giám đốc đã kêu gọi hợp tác đầu tư và sẽ bán một số dự án bất động sản để tăng luồng tiền đảm bảo duy trì hoạt động của công ty
- Công ty không có bất kỳ vụ kiện tụng nào trong và ngoài nước mà có thể dẫn đến các khoản phải thanh toán trong thời gian tới.
- Theo Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông Thường Niên năm 2010 ngày 16 tháng 6 năm 2010, Công ty có dự định tăng vốn đầu tư từ nguồn thặng dư vốn cổ phần trong năm 2010 và phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi trong nước và ngoài nước để thực hiện các dự án tại Mê Linh, Long An.

5. Thông tin khác

Công ty con có vốn đầu tư 100% từ công ty CP Đầu tư vận tải dầu khí Vinashin là công ty TNHH Một thành viên vận tải biển Nam Việt tiến hành thủ tục giải thể theo quyết định số 124/QĐ-Shinpetrol ngày 14/01/2010 của HĐQT. Toàn bộ tài sản, nhân sự chuyển về công ty CP Đầu tư và Vận tải dầu khí Vinashin nay là Công ty Cổ Phần Vận tải biển và Bất Động Sản Việt Hải kể từ ngày 14/01/2010.

Hiện tại công ty TNHH Một thành viên vận tải biển Nam Việt đang tiến hành hoàn tất thủ tục giải thể.

6. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</u>
*Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
- Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	24,97	47,36
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	75,03	52,64
- Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	65,05	95,17
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	34,91	4,83
*Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,38	0,34
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,90	1,69
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,02

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009</u> <u>đến 30/06/2009</u>
*Tỉ suất sinh lời			
- Tỉ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên DT	%	6,93	-
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	6,14	-
- Tỉ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng TS	%	0,93	-
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng TS	%	0,83	-
- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH			
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	2,37	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO

Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	9.644.554.308	2.420.114.996	2.498.200.909.694	1.136.725.059	-	2.511.402.304.057
- Mua trong kỳ	15.801.000	72.362.727	725.124.610	670.819.651	-	1.484.107.988
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9.660.355.308	2.492.477.723	2.498.926.034.304	1.807.544.710	-	2.512.886.412.045

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	928.982.463	997.140.737	438.290.747.883	652.065.971	-	440.868.937.054
- Khấu hao trong kỳ	527.346.835	193.247.733	83.700.064.986	246.632.050	-	84.667.291.604
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.456.329.298,00	1.190.388.470	521.990.812.869	898.698.021	-	525.536.228.658

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	8.715.571.845	1.422.974.259	2.059.910.161.811	484.659.088	-	2.070.533.367.003
Số dư cuối kỳ	8.204.026.010	1.302.089.253	1.976.935.221.435	908.846.689	-	1.987.350.183.387

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.982.499.988.948 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 639.941.249 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO BỘ PHẬN CHÍNH YẾU: THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kinh doanh và dịch vụ tàu biển</i>	<i>Kinh doanh gas</i>	<i>Tổng cộng toàn tập đoàn</i>
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	346.323.518.634	116.062.965.518	462.386.484.152
2. Các khoản giảm trừ	-	1.220.860.987	1.220.860.987
3. Doanh thu thuần	346.323.518.634	114.842.104.531	461.165.623.165
4. Giá vốn hàng bán	234.837.788.562	111.265.729.716	346.103.518.278
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	111.485.730.072	3.576.374.815	115.062.104.887
6. Tài sản bộ phận	2.667.785.534.841	111.658.400.567	2.779.443.935.408
7. Tài sản không phân bổ			657.814.535.709
Tổng Tài sản			3.437.258.471.117
8. Nợ phải trả bộ phận	549.211.897.304	92.021.624.011	641.233.521.315
9. Nợ phải trả không phân bổ			1.594.845.857.702
Tổng nợ phải trả			2.236.079.379.017

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TÀO

Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.209.126.656.791	1.137.944.085.961
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>4.313.114.726</i>	<i>2.982.885.223</i>
1. Tiền	111		4.313.114.726	2.982.885.223
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.2</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>V.3</i>	<i>1.146.761.674.404</i>	<i>1.078.551.077.870</i>
1. Phải thu khách hàng	131		5.512.847.000	3.437.376.979
2. Trả trước cho người bán	132		653.786.790.069	643.856.280.133
3. Phải thu nội bộ	133		457.323.933.404	422.345.458.757
4. Các khoản phải thu khác	138		36.138.103.931	14.911.962.001
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.4</i>	<i>45.856.719.241</i>	<i>44.847.515.694</i>
1. Hàng tồn kho	141		45.856.719.241	44.847.515.694
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	<i>V.5</i>	<i>12.195.148.420</i>	<i>11.562.607.174</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	919.834.153
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.705.497.502	10.090.842.046
3. Các khoản thuế phải thu	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		489.650.918	551.930.975
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.588.299.738.011	2.690.954.488.671
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>6.180.000</i>	<i>6.180.000</i>
1. Phải thu dài hạn khác	213		6.180.000	6.180.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>2.463.192.527.500</i>	<i>2.570.643.579.628</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.6.1</i>	1.975.461.016.920	2.058.701.785.183
- Nguyên giá	222		2.498.003.975.414	2.497.628.919.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(522.542.958.494)	(438.927.134.180)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.6.2</i>	6.189.555.530	6.444.222.200
- Nguyên giá	228		10.433.000.000	10.433.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.243.444.470)	(3.988.777.800)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<i>V.7</i>	481.541.955.050	505.497.572.245

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		76.280.927.116	76.280.927.116
1. Đầu tư vào công ty con	251		74.637.500.000	74.637.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.643.427.116	1.643.427.116
4. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		48.820.103.395	44.023.801.927
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		45.038.918.342	40.242.616.874
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.781.185.053	3.781.185.053
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>3.797.426.394.802</u>	<u>3.828.898.574.632</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A NỢ PHẢI TRẢ	300		2.118.289.578.303	2.181.729.651.862
I. Nợ ngắn hạn	310		361.222.169.568	380.394.842.660
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	237.109.006.674	280.340.572.338
2. Phải trả cho người bán	312	V.9	57.971.522.621	31.216.142.585
3. Người mua trả tiền trước	313	V.9	1.206.336.198	975.894.967
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	11.561.245.356	10.449.573.346
5. Phải trả công nhân viên	315		3.367.093.316	4.053.408.203
6. Chi phí phải trả	316	V.11	22.482.400.287	42.343.670.010
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	19.976.353.942	3.376.286.704
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		7.548.211.174	7.639.294.507
II. Nợ dài hạn	330		1.757.067.408.735	1.801.334.809.202
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.12	36.201.928.880	38.338.662.480
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	1.720.860.211.288	1.762.961.532.937
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	337		5.268.567	34.613.785
B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.679.136.816.499	1.647.168.922.770
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	1.679.136.816.499	1.647.168.922.770
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.844.890.000	380.844.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.045.600.000.000	1.045.600.000.000
3. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.380.796.407	31.380.796.407
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		221.311.130.092	189.343.236.363
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.797.426.394.802	3.828.898.574.632

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO

Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	366.925.849.271	162.641.136.673
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		366.925.849.271	162.641.136.673
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	259.204.825.208	110.429.306.471
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		107.721.024.063	52.211.830.202
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	73.708.697	25.280.554.039
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	63.507.264.238	46.378.566.245
Trong đó: chi phí lãi vay	23		60.535.035.827	46.378.566.245
8. Chi phí bán hàng	24		1.437.073.249	1.005.367.868
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.212.488.793	7.791.968.779
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		32.637.906.480	22.316.481.349
11. Thu nhập khác	31		3.780.836.224	826.850.158
12. Chi phí khác	32		898.860.784	2.490.308.271
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.881.975.440	(1.663.458.113)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		35.519.881.920	20.653.023.236
15. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.551.988.192	1.445.711.627
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		31.967.893.728	19.207.311.609

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TÀO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2010

Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG

Please contact us by the following addresses:

In Ho Chi Minh City

*** Head office:**

Address: 142 Nguyen Thi Minh Khai street - Dist.3 - HCMC
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 lines) - Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn - Website: www.aisc.com.vn

In Ha Noi City

*** Branch:**

Address: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building -
Pham Hung St, Cau Giay Dist - Ha Noi
Tel: (04) 3782 0045 /46 /47 - Fax: (04) 3782 0048
Email: aishn@hn.vnn.vn

In Da Nang City

*** Branch:**

Address: 36 Ha Huy Tap St.-Thanh Khe Dist.- Da Nang City
Tel: (0511) 371 5619 - Fax: (0511) 371 5620
Email: aisckt@dng.vnn.vn

In Can Tho City

*** Representative Office:**

Address: 5Đ, 30/4 St. - Ninh Kieu Dist - Can Tho City.
Tel: (0710) 381 3004 - Fax: (0710) 382 8765

In Hai Phong City

*** Representative Office:**

Address: 18 Hoang Van Thu St. - Hong Bang Dist - Hai Phong
Tel: (031) 3569 577 - Fax: (031) 3569 576